

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Căn cứ Quyết định số 136/2004/QĐ-TTg ngày 02/08/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ giáo dục và Đào tạo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đào tạo;

Căn cứ thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 2528/QĐ-ĐHTN ngày 09/6/2023 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 127/QĐ-ĐHTN ngày 28/01/2022 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Kế hoạch số 37/KH-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày 08/01/2024 của Hiệu trưởng trường ĐH Kinh tế và QTKD Kế hoạch rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra và rà soát, cập nhật, đổi mới chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông báo số 426/TB-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày 17/4/2024 Kết luận cuộc họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ĐH Kinh tế và QTKD;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh (mã số 8340101).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2024 (Khóa 21) của trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh.

Điều 3. Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: ☒ **KT. HIỆU TRƯỞNG**

- BGH (để b/c);
- Như điều 3 (để th);
- Đăng tải Website;
- Lưu: VT, ĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PG.S.TS. Đinh Hồng Linh

CHUẨN ĐẦU RA
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH
THEO ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG

*/Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày tháng năm
của Hiệu trưởng trường ĐH Kinh tế và QTKD*

I. Thông tin chung về ngành đào tạo

STT	Tiêu đề	Nội dung
1.	Tên chương trình đào tạo /Tiếng Việt	QUẢN TRỊ KINH DOANH
2.	Tên chương trình đào tạo /Tiếng Anh	BUSINESS ADMINISTRATION
3.	Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
4.	Ngành đào tạo	Quản trị Kinh doanh
5.	Mã ngành	8.34.01.01
6.	Định hướng đào tạo	Định hướng ứng dụng
7.	Đối tượng tuyển sinh	Đối tượng tuyển sinh theo quy định tại Điều 6 Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 127/QĐ-ĐHTN ngày 28/01/2022 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên.
8.	Thời gian đào tạo chuẩn	2 năm
9.	Số tín chỉ tích lũy tối thiểu	60
10.	Khoa Quản lý chương trình đào tạo	Khoa Quản trị kinh doanh
11.	Ngôn ngữ giảng dạy	Tiếng Việt
12.	Website	http://qtkd.tueba.edu.vn/
13.	Thang điểm	Thang điểm 10
14.	Điều kiện tốt nghiệp	Điều kiện tốt nghiệp theo điều 12 Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT: Điều kiện để học viên được công nhận tốt nghiệp a) Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ luận văn, đề án đạt yêu cầu; b) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Quy chế này hoặc các chứng chỉ tương đương

STT	Tiêu đề	Nội dung
		khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài; c) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của cơ sở đào tạo; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.
15.	Văn bằng tốt nghiệp	Tiếng việt: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Tiếng Anh: Master of Business Administration
16.	Vị trí việc làm sau tốt nghiệp	Sau khi tốt nghiệp, học viên có đủ năng lực đảm nhận các vị trí chuyên gia tham mưu cho lãnh đạo trong điều hành quản lý và sản xuất kinh doanh; Có thể đảm nhận các vị trí lãnh đạo, quản lý tại các cơ sở kinh doanh, các doanh nghiệp, các cơ quan quản lý của nhà nước và ở các địa phương.
17.	Khả năng nâng cao trình độ	Người học có thể tiếp tục tham gia các chương trình đào tạo chuyên ngành bậc Tiến sĩ
18.	Chương trình đào tạo đối sánh	- Trong nước: CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh của Đại học Kinh tế Quốc dân - Nước ngoài: CTĐT Thạc sĩ QTKD của trường Đại học New England, Hoa Kỳ
19.	Thông tin kiểm định chương trình đào tạo	
20.	Thời điểm cập nhật chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	Tháng 04/2024

II. Mục tiêu của chương trình đào tạo /Program Objectives - POs

2.1. Mục tiêu chung

Người học tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị Kinh doanh có kiến thức và năng lực tìm hiểu chuyên sâu trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; cập nhật các kiến thức mới, công cụ mới trong quản trị kinh doanh; vận dụng thành thạo những kiến thức, kỹ năng chuyên sâu để tạo lập, điều hành và phối hợp có hiệu quả các nguồn lực nhằm phát triển hoạt động kinh doanh cho các cơ sở kinh doanh, các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế xã hội tại các địa phương; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

PO1. Nắm vững và làm chủ kiến thức nâng cao về kinh tế và kinh doanh, các kiến thức chuyên sâu của ngành quản trị kinh doanh.

PO2. Có các kỹ năng chuyên sâu trong lĩnh vực quản trị kinh doanh nhằm phát triển hoạt động kinh doanh, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

PO3. Thể hiện phẩm chất chính trị và ý thức tổ chức kỷ luật tốt, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; có năng lực quản lý; có khả năng đưa ra các sáng kiến và những kết luận quan trọng trong lĩnh vực chuyên môn; có sức khỏe; có năng lực tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ nhằm phục vụ tốt cho sự phát triển bền vững của xã hội và cộng đồng.

III. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo QTKD /Program Learning Outcomes - PLOs

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra /PLO	Trình độ năng lực
	Chuẩn đầu ra về kiến thức	
PLO1	<i>Vận dụng được kiến thức triết học nâng cao, các phương pháp xử lý số liệu vào phân tích, đánh giá vấn đề thực tiễn tình hình kinh tế - xã hội và hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức, doanh nghiệp.</i>	3
PI1.1	Vận dụng được kiến thức nâng cao về triết học, kiến thức về kinh tế và kinh doanh vào hoạt động quản lý một cách hiệu quả.	3
PI1.2	Vận dụng được kiến thức nâng cao về các phương pháp nghiên cứu cơ bản để thực hiện được nghiệp vụ chuyên sâu về thu thập, tổng hợp và phân tích dữ liệu trong thực hiện công việc	3
PLO2	<i>Sử dụng kiến thức nâng cao về kinh tế và kinh doanh để phân tích và đưa ra các giải pháp cho các vấn đề phức tạp trong công tác quản trị và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.</i>	4
PI2.1	Vận dụng kiến thức nâng cao về quản trị và quản lý để phân tích, đề xuất, tư vấn, xây dựng được các định hướng và kế hoạch hoạt động của tổ chức trên các lĩnh vực chủ yếu.	4
PI2.2	Vận dụng kiến thức chuyên sâu về các lĩnh vực chức năng trong quản trị và quản lý để phân tích, đề xuất được các giải pháp xử lý các vấn đề một cách chuyên nghiệp trong thực tiễn hoạt động kinh doanh.	4
PLO3	<i>Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin vào xử lý công việc chuyên môn sâu của tổ chức.</i>	3
PI3.1	Thành thạo trong kỹ năng thu thập, phân tích dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề chuyên môn sâu trong lĩnh vực kinh doanh.	3
PI3.2	Sử dụng được các phần mềm chuyên dụng trong phân tích dữ liệu và ra các quyết định chuyên ngành.	3
	Chuẩn đầu ra về kỹ năng	
PLO4	<i>Thành thạo các kỹ năng làm việc chuyên môn cao trong điều kiện phức tạp</i>	3

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra /PLO	Trình độ năng lực
PI4.1	Thể hiện khả năng giao tiếp, thuyết trình, và thuyết phục tốt để phục vụ công việc chuyên môn sâu của lĩnh vực kinh doanh và quản lý.	3
PI4.2	Thành thạo trong làm việc nhóm, thể hiện năng lực làm việc độc lập ở mức cao trong điều kiện khối lượng công việc lớn.	3
PI4.3	Sử dụng ngoại ngữ để đọc báo cáo chuyên ngành và giao tiếp thành thạo trong công việc. Đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4 trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	3
PLO5	Thành thạo các nghiệp vụ chuyên sâu trong lĩnh vực kinh doanh để điều hành công việc một cách hiệu quả	3
PI5.1	Thành thạo trong phân tích, đánh giá điều kiện môi trường để xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn một cách hiệu quả. Đưa ra được kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp trong chuyên môn, nghiệp vụ.	3
PI5.2	Thể hiện có tư duy logic, tư duy phản biện trong phát hiện, phân tích, đánh giá và xử lý các vấn đề. Có năng lực quản lý, điều hành, lãnh đạo các hoạt động của tổ chức một cách hiệu quả.	3
PI5.3	Thực hiện được các hoạt động gồm tổ chức, truyền đạt, hướng dẫn, hợp tác, quản trị và quản lý các hoạt động kinh doanh trong tổ chức.	3
PLO6	Thành thạo trong việc soạn thảo các văn bản chuyên môn sâu.	
PI6.1	Thành thạo trong việc soạn thảo văn bản chuyên môn sâu của tổ chức như chiến lược, kế hoạch dài hạn.	3
PI6.2	Viết được các báo cáo chuyên ngành dựa trên kết quả nghiên cứu độc lập.	3
	Chuẩn đầu ra về Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
PLO7	Thể hiện định hướng phát triển năng lực cá nhân trong môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao.	3
PI7.1	Thể hiện ý thức bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý.	3
PI7.2	Thể hiện định hướng rõ ràng về sứ mệnh và định hướng phát triển cá nhân	3
PLO8	Thể hiện được sự tuân thủ pháp luật, các quy định của xã hội, tuân thủ quy định của cơ quan đơn vị; có ý thức về đạo đức, sẵn sàng tham gia học tập suốt đời	3
PI8.1	Tuân thủ pháp luật và các quy định nghề nghiệp trong lĩnh vực chuyên môn sâu của lĩnh vực kinh doanh và quản lý.	3
PI8.2	Thể hiện tinh thần cầu tiến, ham học hỏi, ý thức tự giác học tập, nghiên cứu, ý thức về đạo đức nghề nghiệp cao.	3

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra /PLO	Trình độ năng lực
PLO9	Thể hiện ý thức về chính trị, có ý thức kỷ luật để đảm nhiệm công việc lâu dài	3
PI9.1	Thể hiện ý thức về chính trị và lập trường tư tưởng vững vàng, ý thức kỷ luật cao.	3
PI9.2	Thể hiện khả năng chịu được áp lực công việc cao, có ý thức trách nhiệm cao, thái độ nghiêm túc khi làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc phức tạp.	3

IV. Khung chương trình đào tạo và kế hoạch giảng dạy

Số TT	TÊN HỌC PHẦN	Mã học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Đáp ứng chuẩn đầu ra /PLO	Năm	
				LT	TH		1	2
I	KHỐI KIẾN THỨC CƠ BẢN		12					
1.1	Học phần bắt buộc		6					
1	Triết học	PHI 631	3	36	18	PLO1 /PI1.1; PLO4 /PI4.1,PI4.2; PO5/PI5.2; PLO9/PI9.1	x	
2	Phương pháp NCKH	SRM 631	3	36	18	PLO1 /PI1.2; PLO3/PI3.1, PI3.2; PLO4 /PI4.2; PLO7/PI7.1; PLO8/PI8.2	x	
1.2	Học phần tự chọn		6					
	Chọn 2 trong số 4 học phần							
3	Luật Kinh tế	ECL 631	3	36	18	PLO1/PI2.1; PLO4 /PI4.1; PLO7/PI7.1; PLO8/PI8.1; PLO9/PI9.1	x	
4	Kinh tế lượng ứng dụng	APE 631	3	36	18	PLO1/PI1.2; PLO3/PI3.2; PLO4 /PI4.2; PLO7/PI7.1; PLO8/PI8.2	x	
5	Tài chính phát triển	DEF 631	3	36	18	PLO2 /PI2.1; PLO4 /PI4.2; PLO7/PI7.1; PLO8/PI8.1,PI8.2; PLO9/PI9.1	x	
6	Kinh tế học quản lý nâng cao	AME 631	3	36	18	PLO1/PI1.1 PLO4 /PI4.1; PLO5/PI5.2 PLO7/PI7.1; PLO8/PI8.2;	x	
II	KHỐI KIẾN THỨC NGÀNH		18					
2.1	Học phần bắt buộc		9					
7	Quản trị chiến lược nâng cao	ASM 631	3	36	18	PLO2 /PI2.1; PLO4 /PI4.1,PI4.2; PLO5 /PI5.1; PLO6/PI6.1; PLO9 /PI9.2	x	

Số TT	TÊN HỌC PHẦN	Mã học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Đáp ứng chuẩn đầu ra /PLO	Năm	
				LT	TH		1	2
✓ 8	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao	AHM 631	3	36	18	PLO2 /PI2.1; PI2.2; PLO4 /PI4.2; PLO5/PI5.3 PLO7/PI7.1; PLO9/PI9.2	x	
✓ 9	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	AFM 631	3	36	18	PLO2 /PI2.1,PI2.2; PLO4 /PI4.2; PLO5/PI5.2; PLO7/PI7.1; PLO9/PI9.2	x	
2.2	Các học phần tự chọn /Chọn 3 trong số 7 học phần		9					
✓ 10	Ra quyết định trong kinh doanh nâng cao	ABD 631	3	36	18	PLO2 /PI2.1; PLO4 /PI4.2,PI4.3; PLO5 /PI5.1 PLO7/PI7.1; PLO9/PI9.2	x	
✓ 11	Hệ thống thông tin quản trị nâng cao	AMI 631	3	36	18	PLO2 /PI2.1; PLO4 /PI4.2,PI4.3; PLO5 /PI5.1; PLO7/PI7.1; PLO9/PI9.2	x	
✓ 12	Kỹ năng quản trị nâng cao	AAS 631	3	36	18	PLO2 /PI2.1; PLO4 /PI4.2,PI4.3; PLO5 /PI5.1; PLO7/PI7.1; PLO9/PI9.2	x	
✓ 13	Quản trị kinh doanh quốc tế nâng cao	AIB 631	3	36	18	PLO2 /PI2.2; PLO4 /PI4.2; PLO5/PI5.2,PI5.3; PLO7/PI7.1; PLO9/PI9.2	x	
✓ 14	Kế toán quản trị nâng cao	AMA 631	3	36	18	PLO2 /PI2.2; PLO4 /PI4.1; PLO5/PI5.1,PI5.2; PLO7/PI7.1; PLO9/PI9.2	x	
15	Hành vi tổ chức nâng cao	AOB 631	3	36	18	PLO2 /PI2.1; PLO5 /PI5.2,PI5.3; PLO7/PI7.1; PLO9/PI9.2	x	
16	Quản trị Marketing nâng cao	AMM 631	3	36	18	PLO2 /PI2.2; PLO5 /PI5.2,PI5.3; PLO6/PI6.1; PLO9/PI9.2	x	
III	KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH		15					
3.1	Học phần bắt buộc		6					
✓ 17	Quản trị chuỗi cung ứng nâng cao	ASM 631	3	36	18	PLO2 /PI2.2; PLO5/PI5.1,PI5.2,PI5.3; PLO7/PI7.1; PLO9/PI9.2		x
✓ 18	Quản trị chi phí kinh doanh	BCM 631	3	36	18	PLO2 /PI2.2; PLO5/PI5.1,PI5.2,PI5.3; PLO7/PI7.1; PLO9/PI9.2		x
3.2	Học phần tự chọn /Chọn 3 trong số 6 học phần		9					
✓ 19	Quản trị rủi ro trong doanh nghiệp nâng cao	ARM 631	3	36	18	PLO2 /PI2.2; PLO5/PI5.1,PI5.2,PI5.3; PLO7/PI7.1; PLO9/PI9.2		x

Số TT	TÊN HỌC PHẦN	Mã học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Đáp ứng chuẩn đầu ra /PLO	Năm	
				LT	TH		1	2
✓ 20	Quản trị sản xuất nâng cao	APM 631	3	36	18	PLO2 /PI2.2; PLO5/PI5.1,PI5.2,PI5.3; PLO7/PI7.1; PLO9/PI9.2		x
✓ 21	Quản trị chất lượng nâng cao	AQM 631	3	36	18	PLO2 /PI2.2; PLO5/PI5.1,PI5.2,PI5.3; PLO8/PI8.1; PLO9/PI9.2		x
✓ 22	Quản lý dự án nâng cao	PRM 631	3	36	18	PLO2 /PI2.2; PLO4 /PI4.2; PLO5/PI5.3; PLO7/PI7.1; PLO8/PI8.1		x
23	Đạo đức Kinh doanh và Văn hoá tổ chức	BEC 631	3	36	18	PLO2 /PI2.1; PLO4 /PI4.2; PLO5/PI5.2,PI5.3; PLO8/PI8.1		x
✓ 24	Marketing địa phương	MAL 631	3	36	18	PLO2 /PI2.2; PLO4 /PI4.1; PLO5/PI5.3; PLO7/PI7.1; PLO9/PI9.2		x
IV	THỰC TẬP VÀ ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP		15					
✓ 25	Chuyên đề thực tế 1	BAD 431	3			PLO2 /PI2.1,PI2.2; PLO3 /PI3.1,PI3.2; PLO4/PI4.2; PLO6/PI6.2; PLO7/PI7.1,PI7.2; PLO9 /PI9.2		x
✓ 26	Chuyên đề thực tế 2	BAD 431	3			PLO2 /PI2.1,PI2.2; PLO3/PI3.1,PI3.2; PLO4 /PI4.2; PLO6/PI6.2; PLO7/PI7.1,PI7.2; PLO9 /PI9.2		x
27	Đề án tốt nghiệp	BAD 907	9			PLO2 /PI2.1; PI2.2; PLO3/PI3.1;PI3.2; PLO4/PI4.1,PI4.2; PLO5/PI5.2,PI5.3; PLO6/PI6.2; PLO8/PI8.1,PI8.2; PLO9 /PI9.1;PI9.2		x
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA		60					

CHUẨN ĐẦU RA
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH
THEO ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU

*/Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày tháng năm
của Hiệu trưởng trường ĐH Kinh tế và QTKD*

I. Thông tin chung về ngành đào tạo

STT	Tiêu đề	Nội dung
1.	Tên chương trình đào tạo/Tiếng Việt	QUẢN TRỊ KINH DOANH
2.	Tên chương trình đào tạo /Tiếng Anh	BUSINESS ADMINISTRATION
3.	Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
4.	Ngành đào tạo	Quản trị Kinh doanh
5.	Mã ngành	8.34.01.01
6.	Định hướng đào tạo	Định hướng nghiên cứu
7.	Đối tượng tuyển sinh	Đối tượng tuyển sinh theo quy định tại Điều 6 Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 127/QĐ-ĐHTN ngày 28/01/2022 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên.
8.	Thời gian đào tạo chuẩn	2 năm
9.	Số tín chỉ tích lũy tối thiểu	60
10.	Khoa Quản lý chương trình đào tạo	Khoa Quản trị kinh doanh
11.	Ngôn ngữ giảng dạy	Tiếng Việt
12.	Website	http://qtkd.tueba.edu.vn/
13.	Thang điểm	Thang điểm 10
14.	Điều kiện tốt nghiệp	Điều kiện tốt nghiệp theo điều 12 Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT: Điều kiện để học viên được công nhận tốt nghiệp a) Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ luận văn, đề án đạt yêu cầu. b) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Quy chế này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

STT	Tiêu đề	Nội dung
		hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài. c) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của cơ sở đào tạo; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.
15.	Văn bằng tốt nghiệp	Tiếng việt: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Tiếng Anh: Master of Business Administration
16.	Vị trí việc làm sau tốt nghiệp	Sau khi tốt nghiệp, học viên có đủ năng lực đảm nhận các vị trí chuyên gia tham mưu cho lãnh đạo trong điều hành quản lý và sản xuất kinh doanh; Có thể đảm nhận các vị trí lãnh đạo, quản lý tại các cơ sở kinh doanh, các doanh nghiệp, các cơ quan quản lý của nhà nước và ở các địa phương.
17.	Khả năng nâng cao trình độ	Người học có thể tiếp tục tham gia các chương trình đào tạo chuyên ngành bậc Tiến sĩ
18.	Chương trình đào tạo đối sánh	- Trong nước: CTĐT Thạc sĩ Quản trị kinh doanh của Đại học Kinh tế Quốc dân - Nước ngoài: CTĐT Thạc sĩ QTKD của trường Đại học New England, Hoa Kỳ
19.	Thông tin kiểm định chương trình đào tạo	
20.	Thời điểm cập nhật chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	Tháng 04/2024

II. Mục tiêu của chương trình đào tạo /Program Objectives - POs

2.1. Mục tiêu chung

Người học tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị Kinh doanh theo định hướng nghiên cứu có kiến thức và năng lực tìm hiểu chuyên sâu trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; cập nhật các kiến thức mới, công cụ và phương pháp nghiên cứu mới trong quản trị kinh doanh; vận dụng thành thạo những kiến thức, kỹ năng chuyên sâu để tạo lập, điều hành và phối hợp có hiệu quả các nguồn lực nhằm phát triển hoạt động kinh doanh cho các cơ sở kinh doanh, các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế xã hội tại các địa phương; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

PO1. Nắm vững và làm chủ kiến thức nâng cao về kinh tế và kinh doanh, các kiến thức và phương pháp nghiên cứu chuyên sâu của ngành quản trị kinh doanh.

PO2. Có các kỹ năng chuyên sâu trong lĩnh vực quản trị kinh doanh nhằm phát triển hoạt động kinh doanh, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

PO3. Thể hiện phẩm chất chính trị và ý thức tổ chức kỷ luật tốt, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; có năng lực quản lý; có khả năng đưa ra các sáng kiến và những kết luận quan trọng trong lĩnh vực chuyên môn; có sức khỏe; có năng lực tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ nhằm phục vụ tốt cho sự phát triển bền vững của xã hội và cộng đồng, có khả năng triển khai các đề tài nghiên cứu thuộc lĩnh vực công tác.

III. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo QTKD /Program Learning Outcomes - PLOs

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra /PLO	Trình độ năng lực
	Chuẩn đầu ra về kiến thức	
PLO1	<i>Vận dụng được kiến thức triết học nâng cao, các phương pháp xử lý số liệu vào phân tích, đánh giá vấn đề thực tiễn tình hình kinh tế - xã hội và hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức, doanh nghiệp.</i>	3
PI1.1	Vận dụng được kiến thức nâng cao về triết học, kiến thức về kinh tế và kinh doanh vào hoạt động quản lý một cách hiệu quả.	3
PI1.2	Vận dụng được kiến thức nâng cao về các phương pháp nghiên cứu cơ bản để thực hiện được nghiệp vụ chuyên sâu về thu thập, tổng hợp và phân tích dữ liệu trong thực hiện công việc	3
PLO2	<i>Sử dụng kiến thức nâng cao về kinh tế và kinh doanh để phân tích và đưa ra các giải pháp cho các vấn đề phức tạp trong công tác quản trị và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.</i>	4
PI2.1	Vận dụng kiến thức nâng cao về quản trị và quản lý để phân tích, đề xuất, tư vấn, xây dựng được các định hướng và kế hoạch hoạt động của tổ chức trên các lĩnh vực chủ yếu.	4
PI2.2	Vận dụng kiến thức chuyên sâu về các lĩnh vực chức năng trong quản trị và quản lý để phân tích, đề xuất được các giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học trong lĩnh vực chuyên môn.	4
PLO3	<i>Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin vào xử lý công việc chuyên môn sâu của tổ chức.</i>	3
PI3.1	Thành thạo trong kỹ năng thu thập, phân tích dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề chuyên môn sâu trong lĩnh vực kinh doanh.	3
PI3.2	Sử dụng được các phần mềm chuyên dụng trong phân tích dữ liệu và ra các quyết định chuyên ngành.	3

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra /PLO	Trình độ năng lực
	Chuẩn đầu ra về kỹ năng	
PLO4	<i>Thành thạo các kỹ năng làm việc chuyên môn cao trong điều kiện phức tạp</i>	3
PI4.1	Thể hiện khả năng giao tiếp, thuyết trình, và thuyết phục tốt để phục vụ công việc chuyên môn sâu của lĩnh vực kinh doanh và quản lý.	3
PI4.2	Thành thạo trong làm việc nhóm, thể hiện năng lực làm việc độc lập ở mức cao trong điều kiện khối lượng công việc lớn.	3
PI4.3	Sử dụng ngoại ngữ để đọc báo cáo chuyên ngành và giao tiếp thành thạo trong công việc. Đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4 trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	3
PLO5	<i>Thành thạo các nghiệp vụ chuyên sâu trong lĩnh vực kinh doanh để điều hành công việc một cách hiệu quả</i>	3
PI5.1	Thành thạo trong phân tích, triển khai các nghiên cứu để đưa ra giải pháp mang tính khoa học cho công tác quản lý điều hành doanh nghiệp. Đưa ra được kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp trong chuyên môn, nghiệp vụ.	3
PI5.2	Thể hiện có tư duy logic, tư duy phản biện trong phát hiện, phân tích, đánh giá và xử lý các vấn đề. Có năng lực quản lý, điều hành, lãnh đạo các hoạt động của tổ chức một cách hiệu quả.	3
PI5.3	Thực hiện được các hoạt động gồm tổ chức, truyền đạt, hướng dẫn, hợp tác, quản trị và quản lý các hoạt động kinh doanh trong tổ chức.	3
PLO6	<i>Thành thạo trong việc soạn thảo các văn bản chuyên môn sâu.</i>	
PI6.1	Thành thạo trong việc soạn thảo văn bản chuyên môn sâu của tổ chức như chiến lược, kế hoạch dài hạn.	3
PI6.2	Viết được các báo cáo chuyên ngành dựa trên kết quả nghiên cứu độc lập.	3
	Chuẩn đầu ra về Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
PLO7	<i>Thể hiện định hướng phát triển năng lực cá nhân trong môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao.</i>	3

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra /PLO	Trình độ năng lực
PI7.1	Thể hiện ý thức bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn mang tính khoa học thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý.	3
PI7.2	Thể hiện định hướng rõ ràng về sứ mệnh và định hướng phát triển cá nhân	3
PLO8	<i>Thể hiện được sự tuân thủ pháp luật, các quy định của xã hội, tuân thủ quy định của cơ quan đơn vị; có ý thức về đạo đức, sẵn sàng tham gia học tập suốt đời</i>	3
PI8.1	Tuân thủ pháp luật và các quy định nghề nghiệp trong lĩnh vực chuyên môn sâu của lĩnh vực kinh doanh và quản lý.	3
PI8.2	Thể hiện tinh thần cầu tiến, ham học hỏi, ý thức tự giác học tập, nghiên cứu, ý thức về đạo đức nghề nghiệp cao.	3
PLO9	<i>Thể hiện ý thức về chính trị, có ý thức kỷ luật để đảm nhiệm công việc lâu dài</i>	3
PI9.1	Thể hiện ý thức về chính trị và lập trường tư tưởng vững vàng, ý thức kỷ luật cao.	3
PI9.2	Thể hiện khả năng chịu được áp lực công việc cao, có ý thức trách nhiệm cao, thái độ nghiêm túc khi làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc phức tạp.	3

IV. Khung chương trình đào tạo và kế hoạch giảng dạy

Số TT	TÊN HỌC PHẦN	Mã học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Đáp ứng chuẩn đầu ra (PLO)	Năm	
				LT	TH		1	2
I	KHỐI KIẾN THỨC CƠ BẢN		12					
1.1	Học phần bắt buộc		6					
1	Triết học	PHI 631	3	36	18	PLO1 (PI1.1) PLO4 (PI4.1,PI4.2); PO5(PI5.2) PLO9(PI9.1)	x	
2	Phương pháp NCKH	SRM 631	3	36	18	PLO1 (PI1.2); PLO3 (PI3.1, PI3.2) PLO4 (PI4.2) PLO7(PI7.1); PLO8(PI8.2)	x	
1.2	Học phần tự chọn (Chọn 2 trong số 4 học phần)		6					
3	Luật Kinh tế	ECL 631	3	36	18	PLO1 (PI1.1) PLO4 (PI4.1 PLO7(PI7.1); PLO8(PI8.1; PLO9/PI9.1		

Số TT	TÊN HỌC PHẦN	Mã học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Đáp ứng chuẩn đầu ra (PLO)	Năm	
				LT	TH		1	2
4 ✓	Kinh tế lượng ứng dụng	APE 631	3	36	18	PLO1 (PI1.2); PLO3 (PI3.2) PLO4 (PI4.2) PLO7(PI7.1); PLO8(PI8.2)	x	
5 ✓	Tài chính phát triển	DEF 631	3	36	18	PLO2 (PI2.1) PLO4 (PI4.2); PLO7(PI7.1); PLO8(PI8.1, PI8.2); PLO9/PI9.1	x	
6 ✓	Kinh tế học quản lý nâng cao	AME 631	3	36	18	PLO1 (PI1.1) PLO4 (PI4.1; PLO5 (PI5.2) PLO7(PI7.1); PLO8/PI8.2;	x	
II	KHỐI KIẾN THỨC NGÀNH		15					
2.1	Học phần bắt buộc		6					
7 ✓	Quản trị chiến lược nâng cao	ASM 631	3	36	18	PLO2 (PI2.1) PLO4 (PI4.1, PI4.2); PLO5 (PI5.1); PLO6(PI6.1) PLO9 (PI9.2)	x	
8 ✓	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao	AHM 631	3	36	18	PLO2 (PI2.1; PI2.2) PLO4 (PI4.2); PLO5 (PI5.3) PLO7(PI7.1); PLO9 (PI9.2)	x	
2.2	Các học phần tự chọn (Chọn 3 trong số 9 học phần)		9					
9 ✓	Ra quyết định trong kinh doanh nâng cao	ABD 631	3	36	18	PLO2 (PI2.1) PLO4 (PI4.2, PI4.3); PLO5 (PI5.1) PLO7(PI7.1); PLO9 (PI9.2)	x	
10 ✓	Hệ thống thông tin quản trị nâng cao	AMI 631	3	36	18	PLO2 (PI2.1) PLO4 (PI4.2, PI4.3); PLO5 (PI5.1) PLO7(PI7.1); PLO9 (PI9.2)	x	
11 ✓	Kỹ năng quản trị nâng cao	AAS 631	3	36	18	PLO2 (PI2.1) PLO4 (PI4.2, PI4.3); PLO5 (PI5.1) PLO7(PI7.1); PLO9 (PI9.2)	x	
12	Quản trị kinh doanh quốc tế nâng cao	AIB 631	3	36	18	PLO2 (PI2.2) PLO4 (PI4.2); PLO5 (PI5.2, PI5.3) PLO7(PI7.1); PLO9 (PI9.2)	x	
13 ✓	Kế toán quản trị nâng cao	AMA 631	3	36	18	PLO2 (PI2.2) PLO4 (PI4.1); PLO5 (PI5.1, PI5.2) PLO7(PI7.1); PLO9 (PI9.2)	x	
14	Hành vi tổ chức nâng cao	AOB 631	3	36	18	PLO2 (PI2.1); PLO5 (PI5.2, PI5.3) PLO7(PI7.1); PLO9 (PI9.2)	x	

Số TT	TÊN HỌC PHẦN	Mã học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Đáp ứng chuẩn đầu ra (PLO)	Năm	
				LT	TH		1	2
15	Quản trị Marketing nâng cao	AMM 631	3	36	18	PLO2 (PI2.2); PLO5 (PI5.2,PI5.3) PLO6(PI6.1);PLO9 (PI9.2)	x	
✓ 16	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	AFM 631	3	36	18	PLO2 (PI2.1; PI2.2) PLO4 (PI4.1,PI4.2); PLO5 (PI5.2,PI5.3) PLO(PI7.1);PLO9 (PI9.2)	x	
17	Phân tích định lượng trong kinh doanh	QAI 631	3	36	18	PLO1 (PI1.2);PLO3 (PI3.1, PI3.2) PLO4 (PI4.2) PLO(PI7.1);PLO8(PI8.2)	x	
III	KHOÍ KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH		12					
3.1	Học phần bắt buộc		6					
✓ 18	Quản trị chuỗi cung ứng nâng cao	ASM 631	3	36	18	PLO2 (PI2.2); PLO5 (PI5.1,PI5.2,PI5.3) PLO7(PI7.1);PLO9 (PI9.2)		x
✓ 19	Quản trị chi phí kinh doanh	BCM 631	3	36	18	PLO2 (PI2.2); PLO5 (PI5.1,PI5.2,PI5.3) PLO7(PI7.1);PLO9 (PI9.2)		x
3.2	Học phần tự chọn (Chọn 3 trong số 6 học phần)		6					
✓ 20	Quản trị rủi ro trong doanh nghiệp nâng cao	ARM 631	3	36	18	PLO2 (PI2.2); PLO5 (PI5.1,PI5.2,PI5.3) PLO7(PI7.1);PLO9 (PI9.2)		x
✓ 21	Quản trị sản xuất nâng cao	APM 631	3	36	18	PLO2 (PI2.2); PLO5 (PI5.1,PI5.2,PI5.3) PLO7(PI7.1);PLO9 (PI9.2)		x
✓ 22	Quản trị chất lượng nâng cao	AQM 631	3	36	18	PLO2 (PI2.2); PLO5 (PI5.1,PI5.2,PI5.3) PLO8(PI8.1);PLO9 (PI9.2)		x
23	Quản lý dự án nâng cao	PRM 631	3	36	18	PLO2 (PI2.2) PLO4 (PI4.2); PLO5 (PI5.3) PLO7(PI7.1);PLO8 (PI8.1)		x
24	Đạo đức Kinh doanh và Văn hoá tổ chức	BEC 631	3	36	18	PLO2 (PI2.1) PLO4 (PI4.2); PLO5 (PI5.2,PI5.3) PLO8(PI8.1)		x
25	Marketing địa phương	MAL 631	3	36	18	PLO2 (PI2.2) PLO4 (PI4.1); PLO5 (PI5.3) PLO7(PI7.1);PLO9 (PI9.2)		x
IV	THỰC TẬP VÀ ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP		21					
✓ 26	Chuyên đề thực tế 1	BAD 431	3			PLO2 (PI2.1; PI2.2); PLO3 (PI3.1,PI3.2) PLO4 (PI4.2);PLO6(PI6.2) PLO7(PI7.1,PI7.2);PLO9 (PI9.2)		x

Số TT	TÊN HỌC PHẦN	Mã học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Đáp ứng chuẩn đầu ra (PLO)	Năm	
				LT	TH		1	2
27	Chuyên đề thực tế 2	BAD 431	3			PLO2 (PI2.1; PI2.2);(PI3.1,PI3.2) PLO4 (PI4.2); PLO6(PI6.2) PLO7(PI7.1,PI7.2);PLO9 (PI9.2)		x
28	Luận văn tốt nghiệp	BAD 907	15			PLO2 (PI2.1; PI2.2);PLO3 (PI3.1;PI3.2) PLO4 (PI4.1,PI4.2);PLO5 (PI5.2,PI5.3); PLO6(PI6.2) PLO8(PI8.1,PI8.2);PLO9 (PI9.1;PI9.2)		x
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA		60					